

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TẠM GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC TỈNH CÀ MAU NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

| Số TT     | Tên cơ quan, tổ chức                                       | Biên chế cán bộ, công chức | Ghi chú                                        |
|-----------|------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|
| 1         | 2                                                          | 3                          | 4                                              |
|           | <b>TỔNG I+II</b>                                           | <b>4.818</b>               |                                                |
| <b>I</b>  | <b>CẤP TỈNH</b>                                            | <b>1.683</b>               |                                                |
| 1         | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                             | 107                        |                                                |
| 2         | Sở Nội vụ                                                  | 111                        |                                                |
| 3         | Sở Tài chính                                               | 136                        |                                                |
| 4         | Sở Nông nghiệp và Môi trường                               | 391                        |                                                |
| 5         | Sở Khoa học và Công nghệ                                   | 74                         |                                                |
| 6         | Sở Xây dựng                                                | 108                        |                                                |
| 7         | Sở Công Thương                                             | 136                        |                                                |
| 8         | Sở Tư pháp                                                 | 53                         |                                                |
| 9         | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                            | 61                         |                                                |
| 10        | Sở Giáo dục và Đào tạo                                     | 67                         |                                                |
| 11        | Sở Y tế                                                    | 101                        |                                                |
| 12        | Thanh tra tỉnh                                             | 197                        |                                                |
| 13        | Sở Dân tộc và Tôn giáo                                     | 40                         |                                                |
| 14        | Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh | 56                         |                                                |
| 15        | Ban Quản lý Khu kinh tế                                    | 37                         |                                                |
| 16        | Văn phòng Ban An toàn giao thông                           | 8                          |                                                |
| <b>II</b> | <b>CẤP XÃ</b>                                              | <b>3.135</b>               |                                                |
| 1         | Phường An Xuyên                                            | 69                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 2         | Phường Lý Văn Lâm                                          | 62                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 3         | Phường Tân Thành                                           | 68                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 4         | Phường Hòa Thành                                           | 50                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 5         | Xã Tân Thuận                                               | 44                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 6         | Xã Tân Tiến                                                | 43                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 7         | Xã Tạ An Khương                                            | 43                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 8         | Xã Trần Phán                                               | 41                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 9         | Xã Thanh Tùng                                              | 40                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 10        | Xã Đàm Dơi                                                 | 46                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 11        | Xã Quách Phẩm                                              | 41                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 12        | Xã U Minh                                                  | 43                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 13        | Xã Nguyễn Phích                                            | 45                         | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |

| <b>Số TT</b> | <b>Tên cơ quan, tổ chức</b> | <b>Biên chế cán bộ, công chức</b> | <b>Ghi chú</b>                                 |
|--------------|-----------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|
| 14           | Xã Khánh Lâm                | 46                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 15           | Xã Khánh An                 | 40                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 16           | Xã Phan Ngọc Hiên           | 53                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 17           | Xã Đất Mũi                  | 43                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 18           | Xã Tân Ân                   | 42                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 19           | Xã Khánh Bình               | 46                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 20           | Xã Đá Bạc                   | 47                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 21           | Xã Khánh Hưng               | 47                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 22           | Xã Sông Đốc                 | 50                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 23           | Xã Trần Văn Thời            | 62                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 24           | Xã Thới Bình                | 46                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 25           | Xã Trí Phải                 | 51                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 26           | Xã Tân Lộc                  | 44                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 27           | Xã Hồ Thị Kỷ                | 40                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 28           | Xã Biển Bạch                | 44                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 29           | Xã Đất Mới                  | 42                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 30           | Xã Năm Căn                  | 52                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 31           | Xã Tam Giang                | 43                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 32           | Xã Cái Đôi Vàm              | 45                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 33           | Xã Nguyễn Việt Khái         | 45                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 34           | Xã Phú Tân                  | 43                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 35           | Xã Phú Mỹ                   | 40                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 36           | Xã Lương Thế Trân           | 55                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 37           | Xã Tân Hưng                 | 45                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 38           | Xã Hưng Mỹ                  | 46                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 39           | Xã Cái Nước                 | 53                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 40           | Phường Bạc Liêu             | 73                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 41           | Phường Hiệp Thành           | 67                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 42           | Phường Vĩnh Trạch           | 69                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 43           | Phường Giá Rai              | 65                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 44           | Phường Láng Tròn            | 60                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 45           | Xã Phong Thạnh              | 55                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 46           | Xã Hồng Dân                 | 58                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 47           | Xã Ninh Quới                | 44                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 48           | Xã Ninh Thạnh Lợi           | 40                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |

| <b>Số TT</b> | <b>Tên cơ quan, tổ chức</b> | <b>Biên chế cán bộ, công chức</b> | <b>Ghi chú</b>                                 |
|--------------|-----------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|
| 49           | Xã Vĩnh Lộc                 | 39                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 50           | Xã An Trạch                 | 41                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 51           | Xã Định Thành               | 44                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 52           | Xã Long Điền                | 47                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 53           | Xã Đông Hải                 | 47                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 54           | Xã Gành Hào                 | 42                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 55           | Xã Hòa Bình                 | 64                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 56           | Xã Vĩnh Mỹ                  | 53                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 57           | Xã Vĩnh Hậu                 | 53                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 58           | Xã Phước Long               | 50                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 59           | Xã Vĩnh Phước               | 46                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 60           | Xã Vĩnh Thanh               | 45                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 61           | Xã Phong Hiệp               | 41                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 62           | Xã Vĩnh Lợi                 | 50                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 63           | Xã Hưng Hội                 | 45                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |
| 64           | Xã Châu Thới                | 52                                | Đã bao gồm biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã |